

Bản án số: **88/2023/DS-ST**

Ngày: 26 - 9 - 2023

“V/v tranh chấp hợp đồng dân sự góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 09 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 06 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng dân sự góp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Thu V**, sinh năm 1980 (*có mặt*)

Địa chỉ: **ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.**

* Bị đơn: Chị **Ngô Thị O**, sinh năm 1977 (*có mặt*), anh **Nguyễn Thanh M**, sinh năm 1975 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: **ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị **Phạm Thị Thu V** trình bày và yêu cầu như sau:**

Năm 2021 ăl và năm 2022 ăl chị **O**, anh **M** có tham gia góp 14 dây hui, nhiều loại khác nhau, chị **O**, anh **M** tham gia góp 29 phần và mượn 01 phần. Tính đến khi mãn hui, chị **O** và anh **M** nợ chị 730.650.000 đồng.

Yêu cầu chị **O** và anh **M** trả cho chị 730.650.000 đồng. Trong đó trả lần đầu 468.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày, còn lại cho trả dần hàng tháng, mỗi tháng 12.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 11/10/2023 cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, chị **V** yêu cầu chị **O**, anh **M** trả 539.650.000 đồng, còn lại 191.000.000 đồng. Trong đó, 29 lần góp của 10 dây hụi chưa đến ngày khai hụi là 149.000.000 đồng và 01 phần hụi mượn là 42.000.000 đồng chưa mãn hụi.

*** Tại biên bản hòa giải ngày 11 tháng 08 năm 2023 bị đơn chị Ngô Thị O trình bày:**

Chị **O** thừa nhận là chị có tham gia góp hụi do chị **V** làm chủ hụi và tính đến ngày mãn hụi, chị **O** còn nợ chị **V** là 730.650.000 đồng. Chị **O** đồng ý trả cho chị **V** 730.650.000 đồng. Việc tham gia góp hụi, có thu nhập từ việc lĩnh hụi thì chị **O** có dùng một phần để sinh hoạt đời sống gia đình và nuôi 02 người con ăn học, hiện nay đứa lớn đã tốt nghiệp Đại học **H**, đứa nhỏ học hết lớp 12 rồi đăng ký đi nghĩa vụ quân sự. Nay chị đồng ý một mình trả nợ cho chị **V** 730.650.000 đồng, nhưng chị xin được trả dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, chị **O** đồng ý trả cho chị **V** 539.650.000 đồng, còn lại 191.000.000 đồng như chị **O** trình bày, khi nào mãn hụi thì chị trả cho chị **V**.

* Bị đơn anh Nguyễn Thanh M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

- Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc chị **O** và anh **M** cùng trả nợ cho chị **V**, số còn lại thì khi nào mãn hụi, chị **V** khởi kiện thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn anh Nguyễn Thanh M vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn với bị đơn chị Ngô Thị O, nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án đến nơi cư trú của anh M để lấy lời khai nhưng anh M không có mặt tại nơi cư trú nên không lấy lời khai anh M được. Ngày 21/08/2023 Tòa án ra Quyết định đưa

vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự và tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh **Nguyễn Thanh M** nhưng anh **Nguyễn Thanh M** vắng mặt lần thứ nhất không lý do nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho anh **Nguyễn Thanh M**, nhưng anh **Nguyễn Thanh M** vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **Nguyễn Thanh M** theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn chị **Ngô Thị O**. Hội đồng xét xử xác định mối quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự góp hui.

[3] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên họp hòa giải ngày 11 tháng 08 năm 2023 và tại phiên tòa bị đơn chị **Ngô Thị O** thừa nhận vào năm 2021 al và năm 2022 al chị **O** có tham gia góp 29 phần hui của 14 dây hui. Chị **O** đã lĩnh nhiều phần hui nhưng chị **O** góp hui chết cho chị **V** không đầy đủ, tính đến ngày mãn hết các dây hui và một phần hui mà chị **V** cho chị **O** mượn thì chị **O**, anh **M** nợ chị **V** là 730.650.000 đồng, nhưng trên thực tế thì tính đến ngày xét xử thì còn lại 29 lần góp của 10 dây hui chưa đến ngày khai hui. Cụ thể là hui mở ngày 02/01/2022 al còn lại 01 lần; hui mở ngày 09/01/2022 al (02 dây) còn lại 01 lần; hui mở ngày 12/01/2022 al còn lại 01 lần; hui mở ngày 20/01/2022 al còn lại 01 lần; hui mở ngày 09/03/2022 al còn lại 03 lần; hui mở ngày 06/04/2022 al còn lại 04 lần; hui mở ngày 10/04/2022 al còn lại 04 lần; hui mở ngày 06/06/2022 al còn lại 06 lần; hui mở ngày 15/06/2022 al còn lại 06 lần và 01 phần hui cho mượn. Tổng số tiền nếu tính theo hui chết, kể cả phần hui mượn là 191.000.000 đồng. Nói cách khác, chị **O** không góp hui cho chị **V** 337 lần của 14 dây hui, tổng số tiền là 501.800.000 đồng, ngoài ra chị **O** còn nợ tiền hui đối với chị **V** từ trước tháng 01/2023 al là 37.850.000 đồng.

Tại phiên tòa chị **O** thừa nhận và đồng ý trả cho chị **V** 539.650.000 đồng, nhưng xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng và chỉ một mình chị **O** trả nợ. Chị **V** không chấp nhận cho chị **O** trả mỗi tháng 5.000.000 đồng và chị **V** yêu cầu anh **M** cùng trả nợ với chị **O**. Do giữa chị **V** và chị **O** không thống nhất với nhau về cách thức trả nợ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để ghi nhận. Xét thấy, chị **O** tham gia góp hui là trong thời kỳ giữa chị **O** và anh **M** là vợ chồng, chị **O** khai nhận là số tiền lĩnh hui chị **O** có dùng một phần vào việc sinh hoạt đời sống gia đình và nuôi các con ăn học. Như vậy, chị **O** đã thực hiện nghĩa vụ của mình đối với con cái, theo đó anh **M** cũng phải có trách nhiệm với các con của mình và phải liên đới cùng với chị **O** chịu trách nhiệm về các giao dịch dân sự nên yêu cầu của chị **V** là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có

căn cứ để chấp nhận, bởi Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25 và 26 của luật này; vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”, khoản 2 Điều 37 quy định “Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”. Và theo đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 23, Điều 25 Nghị định số: 19/2006/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hui, họ, biên, phường. Chấp nhận yêu cầu của chị **Phạm Thị Thu V**. Buộc chị **Ngô Thị O** và anh **Nguyễn Thanh M** trả cho chị **Phạm Thị Thu V** số tiền nợ hui chưa góp là 539.650.000 đồng; còn lại 29 lần góp của 10 dây hui chưa đến ngày khai hui chị **V** có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác khi mãn hui.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Buộc chị **Ngô Thị O** và anh **Nguyễn Thanh M** chịu án phí dân sự sơ thẩm là $20.000.000đ + 139.650.000 đ \times 4\% = 25.586.000$ đồng; chị **Phạm Thị Thu V** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị **Phạm Thị Thu V** 24.613.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001294 ngày 30/05/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 173 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 23, Điều 25 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hui, họ, biên, phường.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị **Phạm Thị Thu V**.

Buộc chị **Ngô Thị O** và anh **Nguyễn Thanh M** trả cho chị **Phạm Thị Thu V** số tiền nợ hui chưa góp là 539.650.000 đồng; còn lại 29 lần góp của 10 dây hui chưa đến ngày khai hui, chị **V** có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác khi mãn hui.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Buộc chị **Ngô Thị O** và anh **Nguyễn Thanh M** chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.586.000 đồng; chị **Phạm Thị Thu V** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho **Phạm Thị Thu V** 24.613.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001294 ngày 30/05/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

- Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện AM
- Chi cục THADS huyện AM;
- Các đương sự;
- Lưu: HSV/A, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

